

Số: **4654/UBND-KT**

Bình Định, ngày 08 tháng 8 năm 2019

V/v rà soát các dự án Chương trình
mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền
vững giai đoạn 2016-2020 và dự
kiến danh mục giai đoạn 2021-2025.

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện Văn bản số 4273/BKHĐT-KTNN ngày 21/6/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc rà soát các dự án Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020 và dự kiến danh mục giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo như sau:

I. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN QUẢN LÝ, BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN RỪNG, NÊU RÕ TỒN TẠI, KHÓ KHĂN VƯỚNG MẮC ĐANG GẶP PHẢI; Ý KIẾN ĐỀ XUẤT ĐỂ PHÁT TRIỂN NGÀNH GIAI ĐOẠN TỚI

1. Đánh giá việc thực hiện quản lý, bảo vệ, phát triển rừng

a) Thuận lợi

- Công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Bình Định, sự quan tâm phối hợp của các cấp, các ngành.

- Cấp ủy, chính quyền các cấp đã triển khai thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, UBND tỉnh về tăng cường các biện pháp bảo vệ, phát triển rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng (PCCCR) nên đã có sự chuyển biến về nhận thức, ý thức, trách nhiệm của một bộ phận nhân dân đối với sự nghiệp phát triển bền vững tài nguyên rừng, từ đó xác định được việc quản lý, bảo vệ và phát triển rừng là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác bảo vệ, phát triển rừng và phát triển ngành lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành, lực lượng trong công tác quản lý, bảo vệ rừng tiếp tục được củng cố, tăng cường, góp phần nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ, phát triển rừng.

- Nhiều diện tích rừng có năng suất, chất lượng cao được hình thành, góp phần nâng cao giá trị gia tăng trong sản xuất lâm nghiệp. Công tác khoán bảo vệ rừng được thực hiện tương đối tốt, đời sống của các hộ nhận khoán đã được cải thiện, giúp họ ổn định cuộc sống, hạn chế tình trạng phá rừng trái pháp luật.

b) Khó khăn

- Từ năm 2016-2019 trên địa bàn tỉnh thường có nắng nóng, khô hạn kéo dài, làm cho thực bì dưới tán rừng khô nỏ, nên nguy cơ cháy rừng thường ở mức cao. Đặc biệt, những diện tích rừng mới trồng, rừng trồng trên những diện tích có tầng đất mỏng, cây trồng dễ bị chết.

- Lợi nhuận từ việc khai thác, mua, bán, vận chuyển, cất giữ lâm sản trái pháp luật luôn là động cơ thúc đẩy người dân tham gia vào các hoạt động khai thác trái phép tài nguyên rừng.

- Nguồn nhân lực của Kiểm lâm và các ban quản lý rừng phòng hộ còn thiếu so với chỉ tiêu biên chế được giao; Lực lượng chủ rừng chưa đủ mạnh; một số đơn vị chủ rừng chưa tập hợp được lực lượng các hộ nhận khoán bảo vệ rừng thành các tổ, đội nên không có sự tham gia của lực lượng này trong các đợt kiểm tra, truy quét bảo vệ rừng.

- Mức hỗ trợ trồng chăm sóc rừng phòng hộ, đặc dụng; mức khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên từ ngân sách Trung ương còn thấp.

- Hầu hết diện tích có rừng tự nhiên tập trung ở các huyện miền núi như An Lão, Vân Canh, Vĩnh Thạnh và các huyện trung du như Tây Sơn, Hoài Ân. Đời sống của người dân sống gần rừng còn gặp nhiều khó khăn, tập quán canh tác cùng với nhận thức về công tác bảo vệ rừng ở một bộ phận đồng bào miền núi còn hạn chế, dẫn đến tình trạng vi phạm phá rừng, khai thác rừng để làm nương rẫy và trồng rừng kinh tế. Mặt khác, rừng phân bố trên diện rộng ở những nơi cao, xa, địa hình chia cắt đi lại khó khăn, các đối tượng lâm tặc ngày càng tinh vi và manh động, sẵn sàng chống đối lực lượng chức năng để tẩu tán tang vật vi phạm dẫn đến hiện tượng khai thác, mua, bán, vận chuyển lâm sản trái phép còn xảy ra.

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch giai đoạn 2016-2018, ước thực hiện kế hoạch năm 2019, kế hoạch năm 2020

a) Về bảo vệ rừng

Từ năm 2016 đến năm 2018 toàn tỉnh đã giao khoán bảo vệ rừng 333.626,35 lượt ha; ước thực hiện năm 2019 là 120.002,60 ha; kế hoạch năm 2020 là 121.216,25 ha. Khoán khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng 25.851,41 lượt ha; ước thực hiện năm 2019 là 3.629,8 ha; kế hoạch năm 2020 là 177,8 ha. Nhìn chung diện tích rừng được bảo vệ và phát triển tốt, công tác giao khoán bảo vệ rừng và khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng đã hỗ trợ cho người dân một phần kinh phí để trang trải trong cuộc sống; Do đó đã hạn chế được việc phá rừng làm nương rẫy, chặt củi đốt than và xây dựng được mối liên kết giữa người dân với chủ rừng và các ngành chức năng.

b) Về phát triển, nâng cao năng suất chất lượng rừng

- Về trồng rừng: Từ năm 2016 đến năm 2018, toàn tỉnh đã trồng rừng được 26.500,28 ha rừng trồng; trong đó trồng rừng sản xuất 24.651,10 ha, trồng rừng phòng hộ, đặc dụng 1.849,18 ha; Ước thực hiện năm 2019 trồng rừng 8.550 ha; Kế hoạch năm 2020 là 8.500 ha.

- Về chăm sóc rừng trồng: Từ năm 2016 đến năm 2018, toàn tỉnh đã chăm sóc được 59.752,40 lượt ha rừng trồng; trong đó chăm sóc rừng trồng sản xuất 52.331,35 lượt ha, chăm sóc rừng trồng phòng hộ 7.421,05 lượt ha; Ước thực hiện chăm sóc rừng năm 2019 là 19.059,60 ha; trong đó chăm sóc rừng trồng sản xuất 19.059,60 ha, chăm sóc rừng trồng phòng hộ 840,40 ha; Kế hoạch năm 2020 là 19.750 ha.

- Đối với trồng rừng phòng hộ: Những năm gần đây ngành lâm nghiệp đã có chủ trương xây dựng, phát triển trồng rừng phòng hộ hỗn loài trên quy mô rộng, các loài cây bản địa như Sao đen, Lim xanh đã được đưa vào trồng rừng nâng cao hiệu quả phòng hộ, góp phần, phục hồi hệ sinh thái rừng, bảo vệ đa dạng sinh học;

- Đối với trồng rừng sản xuất tập trung: Chủ yếu làm nhiệm vụ cung cấp gỗ, lâm sản và nguyên liệu cho nhà máy chế biến. Vì vậy, rừng sản xuất được đầu tư theo hướng thâm canh, nâng cao năng suất, công tác chọn lựa chọn giống cây trồng chất lượng cao ngày càng được chú trọng. Khuyến khích phát triển trồng rừng gỗ lớn. Đến năm 2018, trên địa bàn tỉnh có 1.740,8 ha rừng trồng gỗ lớn trong đó: Trồng mới 298,0 ha; chuyển hóa từ rừng trồng kinh doanh gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn: 1.049,8 ha; trồng lại rừng sau khai thác: 393,0 ha. Năm 2019 kế hoạch 436,4 ha; trong đó: chuyển hóa 84,4 ha; trồng lại rừng sau khai thác: 352,0 ha.

- Thực hiện quản lý rừng bền vững và rừng trồng có chứng chỉ FSC: Trên địa bàn tỉnh có 10.115,4 ha rừng trồng được cấp chứng chỉ FSC; trong đó: Doanh nghiệp nước ngoài 9.762,6 ha, thời gian đến năm 2020; hộ gia đình tại xã Cát Lâm và xã Cát Hiệp (huyện Phù Cát): 352,8 ha thời gian đến năm 2017, nguồn kinh phí lập thủ tục cấp chứng chỉ FSC do Ngân hàng thế giới (Dự án WB3) hỗ trợ. Đối với diện tích thuộc hộ gia đình, từ năm 2017 đến nay, sau khi Dự án WB3 kết thúc, vì không có kinh phí nên diện tích rừng của các hộ gia đình không được đánh giá lại, do đó chứng chỉ FSC không còn hiệu lực.

3. Tồn tại, hạn chế

- Nhận thức về vai trò, vị trí, tầm quan trọng trong phát triển lâm nghiệp ở một số cấp uỷ đảng, chính quyền cơ sở còn hạn chế; Chưa phát huy được vai trò, trách nhiệm của chính quyền các cấp trong công tác bảo vệ, phát triển rừng;

- Việc thực hiện một số chính sách lâm nghiệp về bảo vệ và phát triển rừng còn bất cập, chưa tạo được động lực mạnh mẽ để thúc đẩy các thành phần kinh tế tham gia phát triển kinh tế rừng;

- Sản xuất lâm nghiệp có chu kỳ kinh doanh dài, rủi ro lớn, chủ yếu phụ thuộc vào thời tiết, mùa vụ; hiện trường sản xuất trải rộng, tập trung chủ yếu ở vùng sâu, vùng xa, địa hình khó khăn phức tạp, hạ tầng thấp kém đặc biệt là đường giao thông đến các khu rừng; đời sống người dân còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí còn hạn chế. Những hạn chế này ảnh hưởng rất lớn đến công tác bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh;

- Một số đơn vị chủ rừng, kiểm lâm địa bàn chưa làm hết trách nhiệm của mình trong việc kiểm tra, đánh giá kết quả bảo vệ rừng của các hộ gia đình nhận khoán bảo vệ rừng hàng năm. Bên cạnh đó, một số ban quản lý rừng chưa làm tốt việc thành lập các tổ, đội bảo vệ rừng của đơn vị, cũng như chưa huy động được các hộ nhận khoán bảo vệ rừng để thành lập các tổ, đội bảo vệ rừng nên chưa huy động được lực lượng đủ mạnh để thường xuyên kiểm tra, truy quét bảo vệ rừng.

4. Ý kiến đề xuất

Để phát triển ngành trong giai đoạn tới cần phải thực hiện tốt những nội dung sau:

- Bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, phát triển rừng bền vững, từng bước cải thiện nâng cao năng suất, chất lượng và phát huy giá trị từng loại rừng, tăng giá trị rừng sản xuất trên đơn vị diện tích;

- Tăng cường công tác giao đất, giao rừng, rà soát lại việc giao đất giao rừng để có giải pháp xử lý phù hợp, phát huy tối đa giá trị sử dụng đất lâm nghiệp, giải quyết dứt điểm các vụ việc tranh chấp đất rừng. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực trồng rừng;

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng lâm nghiệp gắn với phát triển kinh tế xã hội. Tăng cường đầu tư các cơ sở chế biến lâm sản có quy mô phù hợp với từng vùng nguyên liệu, tạo ra các sản phẩm có tính cạnh tranh cao;

- Tăng cường các biện pháp quản lý, bảo vệ rừng nhằm hạn chế tối đa cháy rừng; các hoạt động khai thác, vận chuyển trái phép lâm sản; bảo tồn nguồn gen quý hiếm, bảo tồn đa dạng sinh học; từng bước nâng cao chất lượng rừng;

- Tiếp tục cải tạo nâng cao chất lượng, hiệu quả giống cây trồng lâm nghiệp; tăng cường ứng dụng giống mới có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất để rút ngắn chu kỳ kinh doanh, nâng cao hiệu quả công tác trồng rừng. Đồng thời, tăng cường công tác quản lý Nhà nước về giống cây trồng, chấm dứt tình trạng chủ rừng mua phải giống không rõ nguồn gốc, chất lượng giống kém.

II. TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG ĐANG THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2016-2020, NHƯNG CHƯA BỐ TRÍ ĐỦ VỐN. CÁC DỰ ÁN ĐÃ CÓ Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ, BỘ TÀI CHÍNH NHƯNG CHƯA CÓ VỐN ĐỂ THỰC HIỆN

1. Các dự án sử dụng ngân sách trung ương đang thực hiện giai đoạn 2016-2020, nhưng chưa bố trí vốn thuộc kế hoạch năm 2020

Các dự án sử dụng ngân sách Trung ương đang thực hiện giai đoạn 2016-2020, chưa bố trí vốn thuộc kế hoạch năm 2020 là: 60.381,621 triệu đồng; Trong đó:

a) Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016 - 2020: 31.622,24 triệu đồng; gồm có:

- Vốn đầu tư phát triển đầu tư cho các Dự án Bảo vệ và phát triển rừng để thực hiện trồng, chăm sóc rừng và xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng: 10.000 triệu đồng;

- Vốn sự nghiệp đầu tư cho các Dự án Bảo vệ và phát triển rừng để thực hiện khoán bảo vệ rừng và khoanh nuôi tái sinh rừng: 21.622,24 triệu đồng.

b) Vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững (Chương trình 30a): 24.816,141 triệu đồng.

c) Kinh phí hỗ trợ để bảo vệ diện tích rừng tự nhiên của các Công ty TNHH lâm nghiệp phải tạm dừng khai thác theo Đề án tăng cường công tác quản lý, khai thác gỗ rừng tự nhiên theo Quyết định 2242/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ: 3.943,24 triệu đồng.

2. Các dự án đã có ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính nhưng chưa có vốn để thực hiện: Không có.

III. CÁC DỰ ÁN DỰ KIẾN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Các Dự án Bảo vệ và phát triển phòng hộ, đặc dụng, ngập mặn, môi trường cảnh quan giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

2. Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (Chương trình 30a) đầu tư khoán chăm sóc bảo vệ rừng tại các huyện Vĩnh Thành; An Lão, Vân Canh.

3. Hỗ trợ kinh phí để bảo vệ diện tích rừng tự nhiên của các Công ty TNHH lâm nghiệp phải tạm dừng khai thác theo Đề án tăng cường công tác quản lý, khai thác gỗ rừng tự nhiên theo Quyết định 2242/2014/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Hỗ trợ kinh phí để đầu tư, phát triển rừng đặc dụng theo Quyết định số 24/2012/QĐ-TTg ngày 01/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

(chi tiết theo mẫu biểu kèm theo Văn bản này)

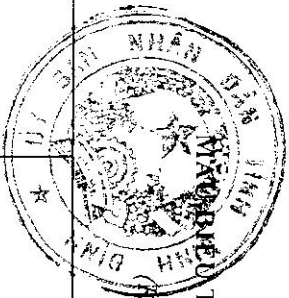
Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP KT;
- Lưu: VT, K13 (17b).



Trần Châu



TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG
(Theo Văn bản số **4651** UBND-KT ngày **08** tháng 8 năm 2019 của UBND tỉnh Bình Định)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian		Quyết định đầu tư				2016-2020						Lũy kế số vốn bỏ từ khởi công đến hết năm 2019		Dự kiến giai đoạn 2021-2025			
				Khởi công	Hoàn thành	Số quyết định	TMĐT		Tổng số các nguồn (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số các nguồn (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW			Tổng số các nguồn (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW				
							Trong đó: NSTW	Tổng số			Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XD/CB	Thu hồi các khoản ứng trước				Thanh toán nợ XD/CB				
	TỔNG SỐ						251,487	242,478	193,275	193,275				170,807	169,307	314,246	314,246				
I	CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP						251,487	242,478	193,275	193,275				170,807	169,307						
I	Dự án bảo vệ phát triển rừng: Ban quản lý tỉnh, Ngập mặn, Tây Sơn, Phú Mỹ, Vân Canh, Vĩnh Thanh, Hoài Ân, An Toàn, Hoài Nhơn, Quy Nhơn, An Lão, Phù Cát	Tỉnh Bình Định		2011	2020	2489, 2490, 2491, 2492, 2493, 2494, 2495, 2496, 2497, 2498/QĐ-UBND ngày 01/01/2011, 2790/QĐ-UBND ngày 09/12/2011.	251,487	242,478	193,275	193,275				170,807	169,307						
II	CÁC DỰ ÁN KHỎI CÔNG MỚI															314,246	314,246				
I	Dự án bảo vệ phát triển rừng: Ban quản lý tỉnh, Ngập mặn, Tây Sơn, Phú Mỹ, Vân Canh, Vĩnh Thanh, Hoài Ân, An Toàn, Hoài Nhơn, Quy Nhơn, An Lão, Phù Cát	Tỉnh Bình Định		2021	2025											158,111	158,111				
2	Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững (Chương trình 30A - Khoản chăm sóc, bảo vệ rừng)	Huyện Vĩnh Thanh, Vân Canh, An Lão		2021	2025											124,080	124,080				
3	Hỗ trợ bảo vệ rừng theo Quyết định 2242/2014/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của TTCP	CTY TNHH LN: Sông Kôn, Hà Thanh		2021	2025											19,715	19,715				
4	Hỗ trợ bảo vệ rừng theo Quyết định 24/2012/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của TTCP	BQLR Đặc dụng An Toàn		2021	2025											12,340	12,340				